

Số: 156 /QĐ-THCSTS

An Khánh, ngày 22 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách học sinh được miễn học phí theo Nghị định
238/2025/NĐ-CP học kỳ I năm học 2025 – 2026**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS THÁI SƠN

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách học phí miễn, giảm hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2275 ngày 29 tháng 6 năm 2022 của UBND huyện An Lão về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập do UBND huyện quản lý giai đoạn 2022-2026;

Căn cứ Biên bản họp xét duyệt miễn giảm ngày 08/09/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh được hỗ trợ học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP học kỳ 1 năm học 2025– 2026 gồm 830 học sinh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các đơn vị liên quan, bộ phận tài chính nhà trường và các cá nhân có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Hoan

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ HỌC PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH
238/2025/NĐ-CP HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số: 156 QĐ-THCSTS ngày 22 tháng 9 năm 2025)

STT	Lớp	Họ và tên	Mức học phí	Số tháng	Thành tiền	Ghi chú
1	6A	Nguyễn Phú Hoàng An	62.000	4	248.000	
2	6A	Bùi Mai Anh	62.000	4	248.000	
3	6A	Hoàng Mai Anh	62.000	4	248.000	
4	6A	Lê Thị Hà Anh	62.000	4	248.000	
5	6A	Vũ Hoàng Anh	62.000	4	248.000	
6	6A	Hoàng Gia Bảo	62.000	4	248.000	
7	6A	Hoàng Thị Khánh Chi	62.000	4	248.000	
8	6A	Nguyễn Vũ Triệu Dương	62.000	4	248.000	
9	6A	Nguyễn Văn Đăng	62.000	4	248.000	
10	6A	Phùng Thị Phúc Hậu	62.000	4	248.000	
11	6A	Nguyễn Phú Hiệp	62.000	4	248.000	
12	6A	Bùi Đức Hiếu	62.000	4	248.000	
13	6A	Võ Trung Hiếu	62.000	4	248.000	
14	6A	Hoàng Mạnh Hùng	62.000	4	248.000	
15	6A	Nguyễn Đăng Khôi	62.000	4	248.000	
16	6A	Nguyễn Phú Trung Kiên	62.000	4	248.000	
17	6A	Nguyễn Phương Linh	62.000	4	248.000	
18	6A	Nguyễn Thị Trà My	62.000	4	248.000	
19	6A	Đặng Hoài Nam	62.000	4	248.000	
20	6A	Vũ Bảo Nam	62.000	4	248.000	
21	6A	Hoàng Bích Ngọc	62.000	4	248.000	
22	6A	Hoàng Cao Phong		4		

			62.000		248.000	
23	6A	Hoàng Minh Phúc	62.000	4	248.000	
24	6A	Hoàng Thị Bích Phượng	62.000	4	248.000	
25	6A	Đặng Đức Quang	62.000	4	248.000	
26	6A	Hoàng Trọng Sơn	62.000	4	248.000	
27	6A	Đỗ Duy Thiên	62.000	4	248.000	
28	6A	Vũ Văn Thuận	62.000	4	248.000	
29	6A	Phạm Thị Thùy	62.000	4	248.000	
30	6A	Đặng Thị Minh Thư	62.000	4	248.000	
31	6A	Nguyễn Thành Tiến	62.000	4	248.000	
32	6A	Nguyễn Thị Yến Trang	62.000	4	248.000	
33	6A	Nguyễn Thị Ngọc Trúc	62.000	4	248.000	
34	6A	Trần Hữu Tuấn	62.000	4	248.000	
35	6A	Nguyễn Khánh Vi	62.000	4	248.000	
36	6A	Bùi Quang Việt	62.000	4	248.000	
37	6A	Hoàng Tường Vy	62.000	4	248.000	
38	6B	Đặng Ninh An	62.000	4	248.000	
39	6B	Hoàng Bảo Anh	62.000	4	248.000	
40	6B	Hoàng Việt Anh	62.000	4	248.000	
41	6B	Nguyễn Phú Bảo Anh	62.000	4	248.000	
42	6B	Đặng Ninh Bình	62.000	4	248.000	
43	6B	Lê Thị Quỳnh Chi	62.000	4	248.000	
44	6B	Đỗ Ngọc Diễm	62.000	4	248.000	
45	6B	Phạm Anh Đức	62.000	4	248.000	
46	6B	Phạm Gia Huy	62.000	4	248.000	

47	6B	Vũ Lan Hương	62.000	4	248.000	
48	6B	Vũ Ngọc Dương Hường	62.000	4	248.000	
49	6B	Hoàng Công Tuấn Khôi	62.000	4	248.000	
50	6B	Phạm Tuấn Kiệt	62.000	4	248.000	
51	6B	Đồng Lưu Bảo Lâm	62.000	4	248.000	
52	6B	Hoàng Thị Phương Linh	62.000	4	248.000	
53	6B	Đỗ Thảo Minh	62.000	4	248.000	
54	6B	Hoàng Nhật Minh	62.000	4	248.000	
55	6B	Phạm Gia Minh	62.000	4	248.000	
56	6B	Hoàng Trà My	62.000	4	248.000	
57	6B	Bùi Thị Yến Nhi	62.000	4	248.000	
58	6B	Nguyễn Ngọc Như	62.000	4	248.000	
59	6B	Hoàng Minh Phong	62.000	4	248.000	
60	6B	Bùi Thiên Phúc	62.000	4	248.000	
61	6B	Đặng Thiên Phúc	62.000	4	248.000	
62	6B	Hoàng Minh Quang	62.000	4	248.000	
63	6B	Nguyễn Gia Quyền	62.000	4	248.000	
64	6B	Nguyễn Tiến Thịnh	62.000	4	248.000	
65	6B	Nguyễn Quỳnh Trang	62.000	4	248.000	
66	6B	Nguyễn Đức Trọng	62.000	4	248.000	
67	6B	Đào Vũ Trung	62.000	4	248.000	
68	6B	Hoàng Xuân Trường	62.000	4	248.000	
69	6B	Bùi Minh Tường	62.000	4	248.000	
70	6B	Hoàng Đức Văn	62.000	4	248.000	
71	6B	Hoàng Quốc Việt		4		

			62.000		248.000	
72	6B	Nguyễn Lâm Vũ	62.000	4	248.000	
73	6B	Vũ Song Vũ	62.000	4	248.000	
74	6C	Đặng Thị Quỳnh An	62.000	4	248.000	
75	6C	Hoàng Bình An	62.000	4	248.000	
76	6C	Nguyễn Tuấn An	62.000	4	248.000	
77	6C	Nguyễn Thị Phương Anh	62.000	4	248.000	
78	6C	Hoàng Thị Ngọc Ánh	62.000	4	248.000	
79	6C	Đào Gia Bảo	62.000	4	248.000	
80	6C	Ngô Gia Bảo	62.000	4	248.000	
81	6C	Nguyễn Gia Bảo	62.000	4	248.000	
82	6C	Hoàng Hải Bằng	62.000	4	248.000	
83	6C	Nguyễn Thị Phương Chi	62.000	4	248.000	
84	6C	Hoàng Khánh Dương	62.000	4	248.000	
85	6C	Đồng Tiến Đạt	62.000	4	248.000	
86	6C	Phạm Văn Đức	62.000	4	248.000	
87	6C	Đồng Văn Anh Hà	62.000	4	248.000	
88	6C	Phùng Việt Hà	62.000	4	248.000	
89	6C	Lê Minh Hằng	62.000	4	248.000	
90	6C	Trần Minh Hiếu	62.000	4	248.000	
91	6C	Vũ Văn Hiếu	62.000	4	248.000	
92	6C	Hoàng Thị Liên Hoa	62.000	4	248.000	
93	6C	Nguyễn Phú Huy	62.000	4	248.000	
94	6C	Nông Văn Huy	62.000	4	248.000	
95	6C	Vũ Gia Huy	62.000	4	248.000	

96	6C	Vũ Hoàng Huy	62.000	4	248.000	
97	6C	Phạm Thị Ngọc Lan	62.000	4	248.000	
98	6C	Nguyễn Khánh Linh	62.000	4	248.000	
99	6C	Vũ Phương Linh	62.000	4	248.000	
100	6C	Đàm Bảo Nam	62.000	4	248.000	
101	6C	Lương Thị Kim Ngân	62.000	4	248.000	
102	6C	Đinh Thị Thảo Nhi	62.000	4	248.000	
103	6C	Phạm Yến Nhi	62.000	4	248.000	
104	6C	Phùng Văn Phong	62.000	4	248.000	
105	6C	Trần Bảo Phương	62.000	4	248.000	
106	6C	Hoàng Văn Trà	62.000	4	248.000	
107	6C	Nguyễn Ngọc Trân	62.000	4	248.000	
108	6C	Bùi Minh Trung	62.000	4	248.000	
109	6C	Hoàng Thảo Vy	62.000	4	248.000	
110	6D	Hoàng Thị Thu An	62.000	4	248.000	
111	6D	Hoàng Việt Anh	62.000	4	248.000	
112	6D	Nguyễn Việt Anh	62.000	4	248.000	
113	6D	Trịnh Diệu Anh	62.000	4	248.000	
114	6D	Vũ Đức Anh	62.000	4	248.000	
115	6D	Nguyễn Ngọc Chi	62.000	4	248.000	
116	6D	Nông Mạnh Cường	62.000	4	248.000	
117	6D	Đoàn Quốc Dũng	62.000	4	248.000	
118	6D	Hoàng Đức Duy	62.000	4	248.000	
119	6D	Ngô Đức Duy	62.000	4	248.000	
120	6D	Nguyễn Thùy Dương		4		

			62.000		248.000	
121	6D	Đặng Hải Đăng	62.000	4	248.000	
122	6D	Đặng Thị Thúy Hằng	62.000	4	248.000	
123	6D	Đoàn Văn Hiếu	62.000	4	248.000	
124	6D	Hoàng Minh Hiếu	62.000	4	248.000	
125	6D	Nguyễn Xuân Hiếu	62.000	4	248.000	
126	6D	Phạm Văn Huy	62.000	4	248.000	
127	6D	Nguyễn Khánh Huyền	62.000	4	248.000	
128	6D	Vũ Như Lan	62.000	4	248.000	
129	6D	Đỗ Huy Lâm	62.000	4	248.000	
130	6D	Nguyễn Thị Trúc Mai	62.000	4	248.000	
131	6D	Hoàng Duy Mạnh	62.000	4	248.000	
132	6D	Nguyễn Bình Minh	62.000	4	248.000	
133	6D	Nguyễn Thu Minh	62.000	4	248.000	
134	6D	Nguyễn Như Ngọc	62.000	4	248.000	
135	6D	Hoàng Phúc Nguyên	62.000	4	248.000	
136	6D	Vũ Thảo Nguyên	62.000	4	248.000	
137	6D	Đào Hải Nguyễn	62.000	4	248.000	
138	6D	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	62.000	4	248.000	
139	6D	Đặng Quang Phúc	62.000	4	248.000	
140	6D	Đỗ Bảo Trâm	62.000	4	248.000	
141	6D	Hoàng Thanh Trúc	62.000	4	248.000	
142	6D	Hoàng Anh Tú	62.000	4	248.000	
143	6D	Nguyễn Thanh Vân	62.000	4	248.000	
144	6D	Lê Công Vinh	62.000	4	248.000	

145	6D	Hoàng Nguyễn Trọng Vượng	62.000	4	248.000	
146	6D	Bùi Thị Ngọc Yến	62.000	4	248.000	
147	6E	Nguyễn Trường An	62.000	4	248.000	
148	6E	Hoàng Nguyễn Diệu Anh	62.000	4	248.000	
149	6E	Hoàng Quỳnh Anh	62.000	4	248.000	
150	6E	Nguyễn Hải Anh	62.000	4	248.000	
151	6E	Phùng Quỳnh Anh	62.000	4	248.000	
152	6E	Vũ Hà Anh	62.000	4	248.000	
153	6E	Đặng Thanh Bình	62.000	4	248.000	
154	6E	Vũ Thị Thùy Chi	62.000	4	248.000	
155	6E	Lê Anh Chiến	62.000	4	248.000	
156	6E	Bùi Hữu Danh	62.000	4	248.000	
157	6E	Nguyễn Thị Kiều Dung	62.000	4	248.000	
158	6E	Vũ Ngọc Khánh Duy	62.000	4	248.000	
159	6E	Đặng Minh Dương	62.000	4	248.000	
160	6E	Nguyễn Phạm Hải Đăng	62.000	4	248.000	
161	6E	Hoàng Minh Đức	62.000	4	248.000	
162	6E	Hoàng Tuấn Hiệp	62.000	4	248.000	
163	6E	Nguyễn Duy Hiếu	62.000	4	248.000	
164	6E	Phùng Duy Hiếu	62.000	4	248.000	
165	6E	Hoàng Thị Minh Huệ	62.000	4	248.000	
166	6E	Nguyễn Thị Mai Hương	62.000	4	248.000	
167	6E	Trịnh Gia Khôi	62.000	4	248.000	
168	6E	Hoàng Hải Long	62.000	4	248.000	
169	6E	Phạm Bùi Thiên Lý		4		

			62.000		248.000	
170	6E	Phạm Hoàng Nhật Minh	62.000	4	248.000	
171	6E	Nguyễn Diệu My	62.000	4	248.000	
172	6E	Nguyễn Hoàng Bảo Nam	62.000	4	248.000	
173	6E	Nguyễn Thành Nam	62.000	4	248.000	
174	6E	Bùi Thảo Ngân	62.000	4	248.000	
175	6E	Nịnh Kim Ngân	62.000	4	248.000	
176	6E	Đào Thị Nguyên	62.000	4	248.000	
177	6E	Hoàng Thị Yến Nhi	62.000	4	248.000	
178	6E	Hoàng Hải Phong	62.000	4	248.000	
179	6E	Hoàng Xuân Phúc	62.000	4	248.000	
180	6E	Tô Minh Quân	62.000	4	248.000	
181	6E	Lê Xuân Sơn	62.000	4	248.000	
182	6E	Nguyễn Thị Thảo	62.000	4	248.000	
183	6E	Hoàng Anh Tuấn	62.000	4	248.000	
184	6E	Hoàng Nhật Yến	62.000	4	248.000	
185	7A	Hoa Tuấn Anh	62.000	4	248.000	
186	7A	Lê Hoàng Anh	62.000	4	248.000	
187	7A	Phạm Quang Khang Anh	62.000	4	248.000	
188	7A	Nguyễn Thị Ánh Chi	62.000	4	248.000	
189	7A	Nguyễn Hoàng Ngọc Diệp	62.000	4	248.000	
190	7A	Hoàng Thị Mỹ Duyên	62.000	4	248.000	
191	7A	Đặng Thị Thùy Dương	62.000	4	248.000	
192	7A	Hoàng Thùy Dương	62.000	4	248.000	
193	7A	Đồng Văn Đoàn	62.000	4	248.000	

194	7A	Nguyễn Hữu Đoàn	62.000	4	248.000	
195	7A	Hoàng Thị Thu Hà	62.000	4	248.000	
196	7A	Nguyễn Hải Hà	62.000	4	248.000	
197	7A	Hoàng Thị Thu Hằng	62.000	4	248.000	
198	7A	Lê Thị Thanh Hằng	62.000	4	248.000	
199	7A	Đỗ Thị Thu Hiền	62.000	4	248.000	
200	7A	Nguyễn Xuân Hiếu	62.000	4	248.000	
201	7A	Nguyễn Mạnh Hùng	62.000	4	248.000	
202	7A	Nguyễn Gia Huy	62.000	4	248.000	
203	7A	Nguyễn Văn Trường Huy	62.000	4	248.000	
204	7A	Đồng Minh Khánh	62.000	4	248.000	
205	7A	Phạm Vũ Đức Khánh	62.000	4	248.000	
206	7A	Nguyễn Thùy Lâm	62.000	4	248.000	
207	7A	Bùi Hoàng Phương Linh	62.000	4	248.000	
208	7A	Vũ Hồng Loan	62.000	4	248.000	
209	7A	Hoàng Phúc Lộc	62.000	4	248.000	
210	7A	Hoàng Hải Minh	62.000	4	248.000	
211	7A	Hoàng Trọng Nghĩa	62.000	4	248.000	
212	7A	Hoàng Bảo Ngọc	62.000	4	248.000	
213	7A	Hoàng Thị Bích Ngọc	62.000	4	248.000	
214	7A	Nguyễn Thị Mai Ngọc	62.000	4	248.000	
215	7A	Đặng Ngọc Nhã	62.000	4	248.000	
216	7A	Hoàng Phương Nhi	62.000	4	248.000	
217	7A	Hoàng Thị Tố Như	62.000	4	248.000	
218	7A	Phạm Khắc An Phú		4		

			62.000		248.000	
219	7A	Nguyễn Phú Phúc	62.000	4	248.000	
220	7A	Vũ Thị Như Quỳnh	62.000	4	248.000	
221	7A	Lê Văn Tài	62.000	4	248.000	
222	7A	Nguyễn Thanh Trúc	62.000	4	248.000	
223	7A	Nguyễn Đức Tùng	62.000	4	248.000	
224	7A	Đỗ Thị Phương Vi	62.000	4	248.000	
225	7A	Hoàng Quốc Việt	62.000	4	248.000	
226	7A	Vũ Thị Ngọc Vy	62.000	4	248.000	
227	7B	Đỗ Đạt Cao Bằng Anh	62.000	4	248.000	
228	7B	Hoàng Diệp Anh	62.000	4	248.000	
229	7B	Hoàng Việt Anh	62.000	4	248.000	
230	7B	Vũ Tuấn Anh	62.000	4	248.000	
231	7B	Cam Xuân Bách	62.000	4	248.000	
232	7B	Hoàng Quốc Đạt	62.000	4	248.000	
233	7B	Nguyễn Phú Minh Đức	62.000	4	248.000	
234	7B	Phùng Bảo Hân	62.000	4	248.000	
235	7B	Nguyễn Gia Huy	62.000	4	248.000	
236	7B	Tô Quốc Huy	62.000	4	248.000	
237	7B	Hoàng Khánh Huyền	62.000	4	248.000	
238	7B	Hoàng Quốc Hưng	62.000	4	248.000	
239	7B	Phạm Duy Hưng	62.000	4	248.000	
240	7B	Bùi Duy Khánh	62.000	4	248.000	
241	7B	Đặng Anh Khương	62.000	4	248.000	
242	7B	Đỗ Tùng Lâm	62.000	4	248.000	

243	7B	Vũ Đình Lâm	62.000	4	248.000	
244	7B	Hoàng Thị Diệu Linh	62.000	4	248.000	
245	7B	Bùi Trúc Ly	62.000	4	248.000	
246	7B	Ngô Thị Khánh Ly	62.000	4	248.000	
247	7B	Phạm Văn Mạnh	62.000	4	248.000	
248	7B	Nguyễn Bảo Nam	62.000	4	248.000	
249	7B	Lê Thị Thanh Ngân	62.000	4	248.000	
250	7B	Đặng Bảo Ngọc	62.000	4	248.000	
251	7B	Vũ Lưu Bảo Ngọc	62.000	4	248.000	
252	7B	Đỗ Thị Nhung	62.000	4	248.000	
253	7B	Nguyễn Hoàng Oanh	62.000	4	248.000	
254	7B	Bùi Minh Phong	62.000	4	248.000	
255	7B	Lê Minh Quân	62.000	4	248.000	
256	7B	Hoàng Thái Quyên	62.000	4	248.000	
257	7B	Hoàng Văn Quyền	62.000	4	248.000	
258	7B	Nguyễn Như Quỳnh	62.000	4	248.000	
259	7B	Nguyễn Phương Thảo	62.000	4	248.000	
260	7B	Nguyễn Phú Thắng	62.000	4	248.000	
261	7B	Vũ Huy Thiệu	62.000	4	248.000	
262	7B	Vũ Ngọc Thủy	62.000	4	248.000	
263	7B	Đặng Minh Thư	62.000	4	248.000	
264	7B	Nguyễn Quốc Triệu	62.000	4	248.000	
265	7B	Phạm Vũ Phương Vy	62.000	4	248.000	
266	7B	Vũ Thị Ngọc Yến	62.000	4	248.000	
267	7C	Hoàng Đức Anh		4		

			62.000		248.000	
268	7C	Phùng Đức Anh	62.000	4	248.000	
269	7C	Vũ Hoàng Anh	62.000	4	248.000	
270	7C	Hoàng Ngọc Bảo Chi	62.000	4	248.000	
271	7C	Hoàng Khánh Dân	62.000	4	248.000	
272	7C	Nguyễn Quang Dũng	62.000	4	248.000	
273	7C	Hoàng Đức Duy	62.000	4	248.000	
274	7C	Hoàng Vũ Thành Đạt	62.000	4	248.000	
275	7C	Bùi Sơn Đông	62.000	4	248.000	
276	7C	Vũ Thị Hương Giang	62.000	4	248.000	
277	7C	Phùng Ngọc Hân	62.000	4	248.000	
278	7C	Lê Thị Thanh Hiền	62.000	4	248.000	
279	7C	Nguyễn Trần Thu Hiền	62.000	4	248.000	
280	7C	Đặng Việt Hoàng	62.000	4	248.000	
281	7C	Đỗ Thành Huy	62.000	4	248.000	
282	7C	Nguyễn Gia Huy	62.000	4	248.000	
283	7C	Nguyễn Văn Khánh	62.000	4	248.000	
284	7C	Phan Tuấn Kiệt	62.000	4	248.000	
285	7C	Phùng Bảo Lâm	62.000	4	248.000	
286	7C	Phạm Khánh Linh	62.000	4	248.000	
287	7C	Nguyễn Trúc Ly	62.000	4	248.000	
288	7C	Bùi Thị Ngọc Mai	62.000	4	248.000	
289	7C	Hoàng Thùy Mai	62.000	4	248.000	
290	7C	Hoàng Bảo Nam	62.000	4	248.000	
291	7C	Phạm Đức Nam	62.000	4	248.000	

292	7C	Vũ Thị Phương	62.000	4	248.000	
293	7C	Nguyễn Văn Quang	62.000	4	248.000	
294	7C	Hoàng Thị Lệ Quyên	62.000	4	248.000	
295	7C	Mai Ngọc Quỳnh	62.000	4	248.000	
296	7C	Nguyễn Thị Thanh Thảo	62.000	4	248.000	
297	7C	Lê Hữu Thắng	62.000	4	248.000	
298	7C	Hoàng Đức Thiện	62.000	4	248.000	
299	7C	Đỗ Thu Thủy	62.000	4	248.000	
300	7C	Nguyễn Thị Anh Thư	62.000	4	248.000	
301	7C	Nguyễn Minh Trang	62.000	4	248.000	
302	7C	Phùng Đức Tuấn	62.000	4	248.000	
303	7C	Nguyễn Phương Vy	62.000	4	248.000	
304	7C	Phan Thị Trà Vy	62.000	4	248.000	
305	7C	Nguyễn Ngọc Như Ý	62.000	4	248.000	
306	7C	Nguyễn Thị Hải Yến	62.000	4	248.000	
307	7D	Trần Thị Bảo An	62.000	4	248.000	
308	7D	Bùi Thảo Anh	62.000	4	248.000	
309	7D	Đồng Quốc Anh	62.000	4	248.000	
310	7D	Hoàng Đức Anh	62.000	4	248.000	
311	7D	Hoàng Hoàng Anh	62.000	4	248.000	
312	7D	Hoàng Ngọc Diệp	62.000	4	248.000	
313	7D	Hoàng Thị Phương Diệu	62.000	4	248.000	
314	7D	Nguyễn Phú Dũng	62.000	4	248.000	
315	7D	Phạm Trung Dũng	62.000	4	248.000	
316	7D	Hoàng Thế Duy		4		

			62.000		248.000	
317	7D	Nguyễn Phú Duy	62.000	4	248.000	
318	7D	Phạm Tùng Dương	62.000	4	248.000	
319	7D	Trần Thị Thùy Dương	62.000	4	248.000	
320	7D	Hà Thành Đạt	62.000	4	248.000	
321	7D	Đặng Thị Ngọc Hân	62.000	4	248.000	
322	7D	Nguyễn Vương Hưng	62.000	4	248.000	
323	7D	Đào Văn Khang	62.000	4	248.000	
324	7D	Hoàng Trung Kiên	62.000	4	248.000	
325	7D	Hoàng Như Lan	62.000	4	248.000	
326	7D	Phạm Ngọc Tùng Lâm	62.000	4	248.000	
327	7D	Lê Diệu Linh	62.000	4	248.000	
328	7D	Nguyễn Thùy Linh	62.000	4	248.000	
329	7D	Hoàng Cao Minh	62.000	4	248.000	
330	7D	Hoàng Bảo Ngọc	62.000	4	248.000	
331	7D	Hoàng Vũ Thảo Nguyên	62.000	4	248.000	
332	7D	Nguyễn Ánh Nguyệt	62.000	4	248.000	
333	7D	Hoàng Yến Nhi	62.000	4	248.000	
334	7D	Nguyễn Tâm Như	62.000	4	248.000	
335	7D	Nguyễn Thị Như Quỳnh	62.000	4	248.000	
336	7D	Hoàng Gia Thất	62.000	4	248.000	
337	7D	Hoàng Thị Anh Thư	62.000	4	248.000	
338	7D	Hoàng Thị Thu Trang	62.000	4	248.000	
339	7D	Ngô Bảo Trâm	62.000	4	248.000	
340	7D	Lê Thị Kiều Trinh	62.000	4	248.000	

341	7D	Phạm Phương Trinh	62.000	4	248.000	
342	7D	Nguyễn Văn Trung	62.000	4	248.000	
343	7D	Nguyễn Anh Tuấn	62.000	4	248.000	
344	7D	Ngô Vũ Minh Tường	62.000	4	248.000	
345	7D	Nguyễn Thế Vinh	62.000	4	248.000	
346	7D	Đặng Trường Xuân	62.000	4	248.000	
347	7D	Đỗ Thị Bảo Yên	62.000	4	248.000	
348	7E	Hoàng Thị Khả An	62.000	4	248.000	
349	7E	Lương Thị Ngọc An	62.000	4	248.000	
350	7E	Phạm Ngọc An	62.000	4	248.000	
351	7E	Bùi Thị Lan Anh	62.000	4	248.000	
352	7E	Đông Hoàng Anh	62.000	4	248.000	
353	7E	Đông Nguyễn Ngọc Anh	62.000	4	248.000	
354	7E	Hoàng Ngọc Anh	62.000	4	248.000	
355	7E	Lê Nguyễn Nguyệt Ánh	62.000	4	248.000	
356	7E	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	62.000	4	248.000	
357	7E	Vũ Văn Ba	62.000	4	248.000	
358	7E	Lê Hoàng Khánh Băng	62.000	4	248.000	
359	7E	Đặng Thị Ngọc Bích	62.000	4	248.000	
360	7E	Đặng Quỳnh Chi	62.000	4	248.000	
361	7E	Phùng Phương Chi	62.000	4	248.000	
362	7E	Vũ Hoàng Duy	62.000	4	248.000	
363	7E	Hoàng Thái Dương	62.000	4	248.000	
364	7E	Phạm Linh Đan	62.000	4	248.000	
365	7E	Phùng Tiến Đạt		4		

			62.000		248.000	
366	7E	Hoàng Ngọc Hà	62.000	4	248.000	
367	7E	Nguyễn Thị Thuý Hằng	62.000	4	248.000	
368	7E	Hoàng Diễm Hương	62.000	4	248.000	
369	7E	Hoàng Khánh Linh	62.000	4	248.000	
370	7E	Nguyễn Khánh Ly	62.000	4	248.000	
371	7E	Hoàng Gia Minh	62.000	4	248.000	
372	7E	Hoàng Hùng Thành Nam	62.000	4	248.000	
373	7E	Nguyễn Văn Nam	62.000	4	248.000	
374	7E	Hoàng Thị Bích Ngọc	62.000	4	248.000	
375	7E	Tô Nguyễn Như Ngọc	62.000	4	248.000	
376	7E	Trần Thị Bích Ngọc	62.000	4	248.000	
377	7E	Vũ Bích Ngọc	62.000	4	248.000	
378	7E	Hoàng Thiện Nhân	62.000	4	248.000	
379	7E	Đồng Thị Dung Nhi	62.000	4	248.000	
380	7E	Phạm Yến Nhi	62.000	4	248.000	
381	7E	Phan Tuyết Nhi	62.000	4	248.000	
382	7E	Nguyễn Tấn Phong	62.000	4	248.000	
383	7E	Vũ Xuân Thành	62.000	4	248.000	
384	7E	Vũ Thanh Thảo	62.000	4	248.000	
385	7E	Nguyễn Phú Việt Thắng	62.000	4	248.000	
386	7E	Nguyễn Cao Thiên	62.000	4	248.000	
387	7E	Hoàng Thu Trang	62.000	4	248.000	
388	7E	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	62.000	4	248.000	
389	7E	Nguyễn Minh Vy	62.000	4	248.000	

390	8A	Nguyễn Thị Hải Anh	62.000	4	248.000	
391	8A	Đặng Ngọc Ánh	62.000	4	248.000	
392	8A	Nguyễn Gia Bảo	62.000	4	248.000	
393	8A	Nguyễn Quỳnh Chi	62.000	4	248.000	
394	8A	Phùng Ngọc Bảo Chi	62.000	4	248.000	
395	8A	Phạm Văn Cường	62.000	4	248.000	
396	8A	Phạm Hữu Bảo Anh	62.000	4	248.000	
397	8A	Nguyễn Ngọc Diệp	62.000	4	248.000	
398	8A	Phạm Việt Dũng	62.000	4	248.000	
399	8A	Nguyễn Khánh Duy	62.000	4	248.000	
400	8A	Nguyễn Thị Dương	62.000	4	248.000	
401	8A	Phạm Văn Dương	62.000	4	248.000	
402	8A	Trần Hoàng Hải Đăng	62.000	4	248.000	
403	8A	Bùi Văn Đức	62.000	4	248.000	
404	8A	Hoàng Thu Hà	62.000	4	248.000	
405	8A	Vũ Thị Mai Hoa	62.000	4	248.000	
406	8A	Nguyễn Danh Hoàng	62.000	4	248.000	
407	8A	Đào Minh Khang	62.000	4	248.000	
408	8A	Đỗ Hoàng An Khang	62.000	4	248.000	
409	8A	Vũ Văn Duy Khang	62.000	4	248.000	
410	8A	Bùi Thị Diệu Linh	62.000	4	248.000	
411	8A	Hoàng Hà Linh	62.000	4	248.000	
412	8A	Phùng Đức Lương	62.000	4	248.000	
413	8A	Hoàng Công Minh	62.000	4	248.000	
414	8A	Đặng Thị Trà My		4		

			62.000		248.000	
415	8A	Nguyễn Tường Nam	62.000	4	248.000	
416	8A	Hoàng Thị Kim Ngân	62.000	4	248.000	
417	8A	Nguyễn Thảo Ngọc	62.000	4	248.000	
418	8A	Phùng Thị Bảo Nhi	62.000	4	248.000	
419	8A	Đào Xuân Phú	62.000	4	248.000	
420	8A	Ngô Thu Phương	62.000	4	248.000	
421	8A	Nguyễn Văn Quyền	62.000	4	248.000	
422	8A	Phạm Đức Hoàng Tân	62.000	4	248.000	
423	8A	Hoàng Quốc Thái	62.000	4	248.000	
424	8A	Bùi Anh Thư	62.000	4	248.000	
425	8A	Vũ Anh Thư	62.000	4	248.000	
426	8A	Vũ Thế Tiến	62.000	4	248.000	
427	8A	Bùi Thu Trang	62.000	4	248.000	
428	8A	Nguyễn Thị Thùy Trang	62.000	4	248.000	
429	8A	Nguyễn Văn Tuấn	62.000	4	248.000	
430	8A	Nguyễn Văn Tuấn	62.000	4	248.000	
431	8A	Phạm Mạnh Tuyên	62.000	4	248.000	
432	8A	Hoàng Hà Vi	62.000	4	248.000	
433	8A	Nguyễn Phú Quốc Việt	62.000	4	248.000	
434	8A	Hoàng Như Ý	62.000	4	248.000	
435	8A	Nguyễn Hải Yến	62.000	4	248.000	
436	8B	Hoàng Gia Hải	62.000	4	248.000	
437	8B	Hoàng Thị Ngọc Nhi	62.000	4	248.000	
438	8B	Nguyễn Thị Anh Thư	62.000	4	248.000	

439	8B	Nguyễn Thế Tường	62.000	4	248.000	
440	8B	Hoàng Minh Vũ	62.000	4	248.000	
441	8B	Bùi Thị Hải Yến	62.000	4	248.000	
442	8B	Nguyễn Bảo An	62.000	4	248.000	
443	8B	Bùi Quỳnh Anh	62.000	4	248.000	
444	8B	Bùi Đức Bảo	62.000	4	248.000	
445	8B	Phạm Phùng Gia Bảo	62.000	4	248.000	
446	8B	Hoàng Thế Bình	62.000	4	248.000	
447	8B	Phùng Nam Duy	62.000	4	248.000	
448	8B	Nguyễn Thùy Dương	62.000	4	248.000	
449	8B	Hoàng Đức Đại	62.000	4	248.000	
450	8B	Nguyễn Tiến Đạt	62.000	4	248.000	
451	8B	Phạm Ngọc Hà	62.000	4	248.000	
452	8B	Phùng Thị Thu Hà	62.000	4	248.000	
453	8B	Hoàng Trung Hiếu	62.000	4	248.000	
454	8B	Nguyễn Hoàng Huy	62.000	4	248.000	
455	8B	Hoàng Anh Khoa	62.000	4	248.000	
456	8B	Nguyễn Hoàng Linh	62.000	4	248.000	
457	8B	Phùng Thị Diệu Linh	62.000	4	248.000	
458	8B	Hoàng Đức Long	62.000	4	248.000	
459	8B	Nguyễn Hoàng Long	62.000	4	248.000	
460	8B	Phạm Khánh Ly	62.000	4	248.000	
461	8B	Bùi Thị Phương Mai	62.000	4	248.000	
462	8B	Nguyễn Thị Phương Mai	62.000	4	248.000	
463	8B	Nguyễn Phú Hoàng Minh		4		

			62.000		248.000	
464	8B	Hoàng Trà My	62.000	4	248.000	
465	8B	Lê Bảo Ngọc	62.000	4	248.000	
466	8B	Trần Thảo Nguyên	62.000	4	248.000	
467	8B	Phùng Minh Nhật	62.000	4	248.000	
468	8B	Đặng Yên Nhi	62.000	4	248.000	
469	8B	Nguyễn Thị Yên Nhi	62.000	4	248.000	
470	8B	Đặng Thị Quỳnh Như	62.000	4	248.000	
471	8B	Phùng Thị Ngọc Như	62.000	4	248.000	
472	8B	Đào Mai Lan Phương	62.000	4	248.000	
473	8B	Bùi Diễm Quỳnh	62.000	4	248.000	
474	8B	Bùi Thị Mỹ Tâm	62.000	4	248.000	
475	8B	Phạm Văn Tâm	62.000	4	248.000	
476	8B	Phùng Biện Thanh Thanh	62.000	4	248.000	
477	8B	Hoàng Minh Thành	62.000	4	248.000	
478	8B	Trần Hải Thiên	62.000	4	248.000	
479	8B	Bùi Thu Thủy	62.000	4	248.000	
480	8B	Hoàng Anh Tú	62.000	4	248.000	
481	8B	Phùng Minh Tú	62.000	4	248.000	
482	8B	Vũ Khắc Tú	62.000	4	248.000	
483	8C	Nguyễn Đức Long	62.000	4	248.000	
484	8C	Vũ Quốc Trọng	62.000	4	248.000	
485	8C	Nguyễn Thị Thanh Trúc	62.000	4	248.000	
486	8C	Đào Xuân Trường	62.000	4	248.000	
487	8C	Đỗ Thị Ngọc Tuyết	62.000	4	248.000	

488	8C	Trịnh Tú Vân	62.000	4	248.000	
489	8C	Đặng Quốc Việt	62.000	4	248.000	
490	8C	Vũ Hoàng Hải Yến	62.000	4	248.000	
491	8C	Đặng Quỳnh Anh	62.000	4	248.000	
492	8C	Hoàng Ngọc Anh	62.000	4	248.000	
493	8C	Hoàng Thị Lan Anh	62.000	4	248.000	
494	8C	Ngô Thị Mai Anh	62.000	4	248.000	
495	8C	Phạm Nguyễn Diệp Anh	62.000	4	248.000	
496	8C	Phạm Việt Anh	62.000	4	248.000	
497	8C	Nguyễn Phú Nguyệt Ánh	62.000	4	248.000	
498	8C	Nguyễn Phú Cường	62.000	4	248.000	
499	8C	Bùi Quang Dũng	62.000	4	248.000	
500	8C	Đặng Thùy Dương	62.000	4	248.000	
501	8C	Nguyễn Thế Đạt	62.000	4	248.000	
502	8C	Nguyễn Ngọc Đức	62.000	4	248.000	
503	8C	Hoàng Văn Hải	62.000	4	248.000	
504	8C	Tô Bảo Hân	62.000	4	248.000	
505	8C	Vũ Quang Hiệp	62.000	4	248.000	
506	8C	Hoàng Thị Khánh Huyền	62.000	4	248.000	
507	8C	Hoàng Bích Liên	62.000	4	248.000	
508	8C	Hoàng Thùy Linh	62.000	4	248.000	
509	8C	Hoàng Thành Long	62.000	4	248.000	
510	8C	Đào Khánh Ly	62.000	4	248.000	
511	8C	Bùi Văn Hải Nam	62.000	4	248.000	
512	8C	Hoàng Thu Ngân		4		

			62.000		248.000	
513	8C	Đào Thị Bảo Ngọc	62.000	4	248.000	
514	8C	Trịnh Bảo Ngọc	62.000	4	248.000	
515	8C	Vũ Bảo Ngọc	62.000	4	248.000	
516	8C	Đỗ Hoàng Tuyết Nhi	62.000	4	248.000	
517	8C	Nguyễn Phú Phúc	62.000	4	248.000	
518	8C	Hoàng An Phước	62.000	4	248.000	
519	8C	Nguyễn Phú Minh Quân	62.000	4	248.000	
520	8C	Đặng Hoàng Quyết	62.000	4	248.000	
521	8C	Đào Xuân Thanh	62.000	4	248.000	
522	8C	Nguyễn Văn Thành	62.000	4	248.000	
523	8C	Vũ Thị Phương Thảo	62.000	4	248.000	
524	8C	Bùi Thị Khánh Thi	62.000	4	248.000	
525	8C	Bùi Thị Thanh Thùy	62.000	4	248.000	
526	8C	Hoàng Xuân Tiến	62.000	4	248.000	
527	8C	Phạm Thị Thùy Trang	62.000	4	248.000	
528	8C	Đặng Quốc Trọng	62.000	4	248.000	
529	8C	Nguyễn Phú Long Trọng	62.000	4	248.000	
530	8A	Đặng Gia Bảo	62.000	4	248.000	
531	8A	Nguyễn Hoàng Minh Châu	62.000	4	248.000	
532	8D	Vũ Đình Trung	62.000	4	248.000	
533	8D	Bùi Văn Bách Tùng	62.000	4	248.000	
534	8D	Bùi Thanh Vân	62.000	4	248.000	
535	8D	Bùi Đức Việt	62.000	4	248.000	
536	8D	Hoàng Phạm Quang Vinh	62.000	4	248.000	

537	8D	Đỗ Huy Vũ	62.000	4	248.000	
538	8B	Hoàng Tuấn Vũ	62.000	4	248.000	
539	8D	Hoàng Thị Xuân	62.000	4	248.000	
540	8D	Nguyễn Thị Hải Yến	62.000	4	248.000	
541	8D	Đào Thị Phương Anh	62.000	4	248.000	
542	8D	Bùi Ngọc Ánh	62.000	4	248.000	
543	8D	Bùi Đức Quốc Bảo	62.000	4	248.000	
544	8D	Vũ Gia Bảo	62.000	4	248.000	
545	8D	Hoàng Thị Khánh Diệp	62.000	4	248.000	
546	8D	Nguyễn Thị Huyền Diệp	62.000	4	248.000	
547	8D	Phạm Ngọc Diệp	62.000	4	248.000	
548	8D	Bùi Khánh Diệu	62.000	4	248.000	
549	8D	Nguyễn Ánh Dương	62.000	4	248.000	
550	8D	Vũ Trọng Đạo	62.000	4	248.000	
551	8D	Hoàng Thành Đạt	62.000	4	248.000	
552	8D	Nguyễn Anh Đức	62.000	4	248.000	
553	8D	Bùi Minh Hằng	62.000	4	248.000	
554	8D	Vũ Hoàng Hiếu	62.000	4	248.000	
555	8D	Lê Minh Hoàng	62.000	4	248.000	
556	8D	Nguyễn Phú Đức Huy	62.000	4	248.000	
557	8D	Hà Thị Thùy Linh	62.000	4	248.000	
558	8D	Ngô Văn Mạnh	62.000	4	248.000	
559	8D	Phùng Trà My	62.000	4	248.000	
560	8D	Đồng Lưu Bảo Ngọc	62.000	4	248.000	
561	8D	Hoàng Vũ Bảo Ngọc		4		

			62.000		248.000	
562	8D	Phạm Huy Nhật	62.000	4	248.000	
563	8D	Hoàng Thị Yến Nhi	62.000	4	248.000	
564	8D	Hoàng Thị Yến Nhi	62.000	4	248.000	
565	8D	Trần Tuyết Nhi	62.000	4	248.000	
566	8D	Nguyễn Thị Kim Oanh	62.000	4	248.000	
567	8D	Đông Văn Phúc	62.000	4	248.000	
568	8D	Phạm Khắc Phúc	62.000	4	248.000	
569	8D	Hoàng Mạnh Quân	62.000	4	248.000	
570	8D	Hoàng Long Sơn	62.000	4	248.000	
571	8D	Đông Minh Tân	62.000	4	248.000	
572	8D	Hoàng Xuân Thành	62.000	4	248.000	
573	8D	Phùng Thị Thanh Thảo	62.000	4	248.000	
574	8D	Hoàng Văn Thọ	62.000	4	248.000	
575	8D	Nguyễn Quang Thuận	62.000	4	248.000	
576	8D	Lê Mạnh Toàn	62.000	4	248.000	
577	8D	Lê Thị Kiều Trang	62.000	4	248.000	
578	8D	Nguyễn Bảo Trang	62.000	4	248.000	
579	8D	Hoàng Nguyễn Bảo Trâm	62.000	4	248.000	
580	8E	Hoàng Anh	62.000	4	248.000	
581	8E	Hoàng Đào Tuấn Anh	62.000	4	248.000	
582	8E	Nguyễn Hoàng Bách	62.000	4	248.000	
583	8E	Hoàng Khánh Chi	62.000	4	248.000	
584	8E	Nguyễn Thị Khánh Chi	62.000	4	248.000	
585	8E	Nguyễn Thị Mỹ Dung	62.000	4	248.000	

586	8E	Nguyễn Thế Dương	62.000	4	248.000	
587	8E	Nguyễn Thị Quỳnh Dương	62.000	4	248.000	
588	8E	Nguyễn Thành Đạt	62.000	4	248.000	
589	8E	Bùi Minh Đức	62.000	4	248.000	
590	8E	Lê Thu Hà	62.000	4	248.000	
591	8E	Nguyễn Nhật Hà	62.000	4	248.000	
592	8E	Phùng Đức Hiếu	62.000	4	248.000	
593	8E	Phạm Thị Hòa	62.000	4	248.000	
594	8E	Hoàng Mạnh Hùng	62.000	4	248.000	
595	8E	Đặng Đăng Khôi	62.000	4	248.000	
596	8E	Lương Gia Lâm	62.000	4	248.000	
597	8E	Hoàng Thị Khánh Linh	62.000	4	248.000	
598	8E	Nguyễn Văn Long	62.000	4	248.000	
599	8E	Trịnh Hải Long	62.000	4	248.000	
600	8E	Trịnh Hải Ly	62.000	4	248.000	
601	8E	Bùi Đức Mạnh	62.000	4	248.000	
602	8E	Đỗ Tiến Minh	62.000	4	248.000	
603	8E	Bùi Khánh Nam	62.000	4	248.000	
604	8E	Đặng Hoàng Bích Ngân	62.000	4	248.000	
605	8E	Hoàng Trung Nghĩa	62.000	4	248.000	
606	8E	Vũ Linh Ngọc	62.000	4	248.000	
607	8E	Bùi Minh Khôi Nguyên	62.000	4	248.000	
608	8E	Đào Thị Thanh Nhân	62.000	4	248.000	
609	8E	Vũ Thị Phương	62.000	4	248.000	
610	8E	Nguyễn Trí Quang		4		

			62.000		248.000	
611	8E	Nguyễn Văn Thế Quảng	62.000	4	248.000	
612	8E	Hoàng Mạnh Quân	62.000	4	248.000	
613	8E	Nguyễn Phú Quân	62.000	4	248.000	
614	8E	Nguyễn Phú Quý	62.000	4	248.000	
615	8E	Nguyễn Mạnh Sơn	62.000	4	248.000	
616	8E	Hoàng Gia Thiện	62.000	4	248.000	
617	8E	Nguyễn Văn Thuận	62.000	4	248.000	
618	8E	Đỗ Đăng Khoa	62.000	4	248.000	
619	8E	Nguyễn Thị Thu Thủy	62.000	4	248.000	
620	8E	Nguyễn Vũ Anh Thư	62.000	4	248.000	
621	8E	Trần Thị Huyền Thương	62.000	4	248.000	
622	8E	Nguyễn Phạm Quỳnh Trang	62.000	4	248.000	
623	8E	Nguyễn Bui Ngọc Trinh	62.000	4	248.000	
624	8E	Hoàng Thị Thanh Trúc	62.000	4	248.000	
625	8E	Trần Bảo Uyên	62.000	4	248.000	
626	8E	Nguyễn Hoàng Việt	62.000	4	248.000	
627	9A	Hoàng Đức Anh	62.000	4	248.000	
628	9A	Hoàng Tuấn Anh	62.000	4	248.000	
629	9A	Hoàng Nguyệt Ánh	62.000	4	248.000	
630	9A	Hoàng Ngọc Bích	62.000	4	248.000	
631	9A	Ngô Minh Châu	62.000	4	248.000	
632	9A	Trần Thị Thùy Chi	62.000	4	248.000	
633	9A	Nguyễn Hữu Cường	62.000	4	248.000	
634	9A	Hoàng Ngọc Diệp	62.000	4	248.000	

635	9A	Vũ Thị Huyền Diệu	62.000	4	248.000	
636	9A	Trần Đức Duy	62.000	4	248.000	
637	9A	Hoàng Hải Dương	62.000	4	248.000	
638	9A	Hoàng Tùng Dương	62.000	4	248.000	
639	9A	Nguyễn Phú Tiến Đạt	62.000	4	248.000	
640	9A	Vũ Thành Đạt	62.000	4	248.000	
641	9A	Vũ Minh Đăng	62.000	4	248.000	
642	9A	Nguyễn Thu Hà	62.000	4	248.000	
643	9A	Phạm Thị Ngọc Hà	62.000	4	248.000	
644	9A	Nguyễn Thị Hậu	62.000	4	248.000	
645	9A	Hoàng Minh Hiếu	62.000	4	248.000	
646	9A	Vũ Mạnh Hoàng	62.000	4	248.000	
647	9A	Nguyễn Bá Học	62.000	4	248.000	
648	9A	Phùng Quang Huy	62.000	4	248.000	
649	9A	Hoàng Sỹ Hưng	62.000	4	248.000	
650	9A	Bùi Thị Khánh Linh	62.000	4	248.000	
651	9A	Đặng Mai Linh	62.000	4	248.000	
652	9A	Nguyễn Thị Thùy Linh	62.000	4	248.000	
653	9A	Nguyễn Thị Ngọc Mai	62.000	4	248.000	
654	9A	Phạm Thị Ngọc Mai	62.000	4	248.000	
655	9A	Trần Xuân Mai	62.000	4	248.000	
656	9A	Vũ Bá Mạnh	62.000	4	248.000	
657	9A	Bùi Đức Nghĩa	62.000	4	248.000	
658	9A	Đặng Hải Phong	62.000	4	248.000	
659	9A	Bùi Duy Quân		4		

			62.000		248.000	
660	9A	Vũ Thiện Sang	62.000	4	248.000	
661	9A	Đặng Thị Thanh Thảo	62.000	4	248.000	
662	9A	Hoàng Duy Thế	62.000	4	248.000	
663	9A	Hoàng Diệu Thu	62.000	4	248.000	
664	9A	Hoàng Văn Thủy	62.000	4	248.000	
665	9A	Nguyễn Gia Trí	62.000	4	248.000	
666	9A	Hoàng Thanh Tùng	62.000	4	248.000	
667	9A	Đỗ Hoàng Ánh Tuyết	62.000	4	248.000	
668	9A	Đào Văn Anh Vũ	62.000	4	248.000	
669	9A	Đỗ Khánh Vy	62.000	4	248.000	
670	9B	Bùi Thị Vân Anh	62.000	4	248.000	
671	9B	Hoàng Thế Anh	62.000	4	248.000	
672	9B	Nguyễn Thị Kim Anh	62.000	4	248.000	
673	9B	Nguyễn Phú Bảo	62.000	4	248.000	
674	9B	Hoàng Thái Dương	62.000	4	248.000	
675	9B	Vũ Anh Dương	62.000	4	248.000	
676	9B	Đặng Nam Hải	62.000	4	248.000	
677	9B	Ngô Thị Thu Hiền	62.000	4	248.000	
678	9B	Hoàng Trung Hiếu	62.000	4	248.000	
679	9B	Phùng Thị Thu Hoài	62.000	4	248.000	
680	9B	Đào Gia Huy	62.000	4	248.000	
681	9B	Hoàng Gia Hưng	62.000	4	248.000	
682	9B	Hoàng Ngọc Hưng	62.000	4	248.000	
683	9B	Hoàng Tuấn Hưng	62.000	4	248.000	

684	9B	Phạm Trung Kiên	62.000	4	248.000	
685	9B	Nguyễn Thị Luyên	62.000	4	248.000	
686	9B	Nguyễn Thảo Ly	62.000	4	248.000	
687	9B	Nguyễn Ngọc Mai	62.000	4	248.000	
688	9B	Nguyễn Đức Mạnh	62.000	4	248.000	
689	9B	Hoàng Quang Minh	62.000	4	248.000	
690	9B	Phan Nhật Minh	62.000	4	248.000	
691	9B	Nguyễn Phú Bảo Nam	62.000	4	248.000	
692	9B	Đồng Trọng Nghĩa	62.000	4	248.000	
693	9B	Phạm Thị Khánh Ngọc	62.000	4	248.000	
694	9B	Hoàng Thị Thu Nguyệt	62.000	4	248.000	
695	9B	Bùi Thị Nhung	62.000	4	248.000	
696	9B	Nguyễn Thị Kiều Oanh	62.000	4	248.000	
697	9B	Trịnh Gia Phong	62.000	4	248.000	
698	9B	Đào Mạnh Quân	62.000	4	248.000	
699	9B	Đồng Thị Thanh	62.000	4	248.000	
700	9B	Hoàng Văn Thành	62.000	4	248.000	
701	9B	Bùi Phương Thảo	62.000	4	248.000	
702	9B	Hoàng Phương Thảo	62.000	4	248.000	
703	9B	Đoàn Văn Thắng	62.000	4	248.000	
704	9B	Nguyễn Huyền Trang	62.000	4	248.000	
705	9B	Phạm Văn Trương	62.000	4	248.000	
706	9B	Hoàng Thanh Vân	62.000	4	248.000	
707	9B	Phạm Quang Vinh	62.000	4	248.000	
708	9B	Phạm Văn Xưởng		4		

			62.000		248.000	
709	9B	Đỗ Hoàng Hải Yến	62.000	4	248.000	
710	9C	Nguyễn Ngọc Anh	62.000	4	248.000	
711	9C	Đinh Ngọc Khánh Chi	62.000	4	248.000	
712	9C	Vũ Thị Mai Chi	62.000	4	248.000	
713	9C	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	62.000	4	248.000	
714	9C	Nguyễn Thành Đạt	62.000	4	248.000	
715	9C	Hoàng Minh Đức	62.000	4	248.000	
716	9C	Phùng Thị Minh Hằng	62.000	4	248.000	
717	9C	Phạm Văn Hậu	62.000	4	248.000	
718	9C	Hoàng Trung Hiếu	62.000	4	248.000	
719	9C	Ngô Quang Huy	62.000	4	248.000	
720	9C	Nguyễn Đình Huy	62.000	4	248.000	
721	9C	Phùng Thị Khánh Huyền	62.000	4	248.000	
722	9C	Lê Duy Khánh	62.000	4	248.000	
723	9C	Nguyễn Phú Kiên	62.000	4	248.000	
724	9C	Bùi Khánh Linh	62.000	4	248.000	
725	9C	Nguyễn Thị Thùy Linh	62.000	4	248.000	
726	9C	Bùi Hoàng Lực	62.000	4	248.000	
727	9C	Nguyễn Thị Ngọc Mai	62.000	4	248.000	
728	9C	Ngô Gia Minh	62.000	4	248.000	
729	9C	Vũ Trà My	62.000	4	248.000	
730	9C	Hoàng Thị Thu Ngân	62.000	4	248.000	
731	9C	Nguyễn Thị Kim Ngân	62.000	4	248.000	
732	9C	Lê Minh Quân	62.000	4	248.000	

733	9C	Đặng Khắc Quyền	62.000	4	248.000	
734	9C	Phan Văn Quyền	62.000	4	248.000	
735	9C	Phùng Xuân Sang	62.000	4	248.000	
736	9C	Đồng Quang Thái	62.000	4	248.000	
737	9C	Nguyễn Quang Thanh	62.000	4	248.000	
738	9C	Hoàng Phương Thảo	62.000	4	248.000	
739	9C	Nguyễn Hữu Thắng	62.000	4	248.000	
740	9C	Nguyễn Anh Thư	62.000	4	248.000	
741	9C	Hoàng Thị Phương Trinh	62.000	4	248.000	
742	9C	Hoàng Thị Thanh Trúc	62.000	4	248.000	
743	9C	Bùi Minh Trường	62.000	4	248.000	
744	9C	Bùi Minh Trường	62.000	4	248.000	
745	9C	Hoàng Văn Trọng	62.000	4	248.000	
746	9C	Hoàng Tuấn Tú	62.000	4	248.000	
747	9C	Phùng Văn Tú	62.000	4	248.000	
748	9C	Hoàng Thị Thu Uyên	62.000	4	248.000	
749	9C	Hoàng Yến Vi	62.000	4	248.000	
750	9D	Đào Vân Anh	62.000	4	248.000	
751	9D	Nguyễn Tuấn Anh	62.000	4	248.000	
752	9D	Phạm Vũ Việt Anh	62.000	4	248.000	
753	9D	Hoàng Thị Ngọc Ánh	62.000	4	248.000	
754	9D	Trần Khánh Chi	62.000	4	248.000	
755	9D	Hoàng Anh Đức	62.000	4	248.000	
756	9D	Ngô Thanh Ngọc Hà	62.000	4	248.000	
757	9D	Hoàng Thị Thu Hiền		4		

			62.000		248.000	
758	9D	Phùng Thị Thanh Hoa	62.000	4	248.000	
759	9D	Hoàng Quang Huy	62.000	4	248.000	
760	9D	Vũ Thị Mai Hương	62.000	4	248.000	
761	9D	Nguyễn Văn Đăng Khoa	62.000	4	248.000	
762	9D	Vũ Phương Linh	62.000	4	248.000	
763	9D	Hoàng Thị Thanh Loan	62.000	4	248.000	
764	9D	Đỗ Duy Nam	62.000	4	248.000	
765	9D	Hoàng Mai Ngọc	62.000	4	248.000	
766	9D	Nguyễn Hải Ngọc	62.000	4	248.000	
767	9D	Đào Thị Nguyễn	62.000	4	248.000	
768	9D	Bùi Thị Tuyết Nhi	62.000	4	248.000	
769	9D	Hoàng Thị Yến Nhi	62.000	4	248.000	
770	9D	Trương Thị Tuyết Nhi	62.000	4	248.000	
771	9D	Vũ Lê Yến Nhi	62.000	4	248.000	
772	9D	Ngô Kiến Phong	62.000	4	248.000	
773	9D	Đồng Lê Minh Phúc	62.000	4	248.000	
774	9D	Vũ Thị Thanh Phương	62.000	4	248.000	
775	9D	Đỗ Anh Quân	62.000	4	248.000	
776	9D	Hoàng Quách Trường Sơn	62.000	4	248.000	
777	9D	Đặng Thị Phương Thảo	62.000	4	248.000	
778	9D	Hoàng Phương Thủy	62.000	4	248.000	
779	9D	Hoàng Anh Thư	62.000	4	248.000	
780	9D	Nguyễn Thị Thanh Trà	62.000	4	248.000	
781	9D	Bùi Văn Tú	62.000	4	248.000	

782	9D	Đỗ Hoàng Tùng	62.000	4	248.000	
783	9D	Hứa Cảnh Tùng	62.000	4	248.000	
784	9D	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	62.000	4	248.000	
785	9D	Đồng Thị Yến Vi	62.000	4	248.000	
786	9D	Hoàng Minh Vũ	62.000	4	248.000	
787	9D	Hoàng Hải Yến	62.000	4	248.000	
788	9D	Vũ Hải Yến	62.000	4	248.000	
789	9E	Bùi Minh Long Anh	62.000	4	248.000	
790	9E	Phùng Thế Anh	62.000	4	248.000	
791	9E	Trần Ngọc Duy Anh	62.000	4	248.000	
792	9E	Bùi Ngọc Diệp	62.000	4	248.000	
793	9E	Nguyễn Ngọc Diệu	62.000	4	248.000	
794	9E	Trần Thành Duy	62.000	4	248.000	
795	9E	Nguyễn Phú Phúc Điền	62.000	4	248.000	
796	9E	Phạm Thị Hương Giang	62.000	4	248.000	
797	9E	Hoàng Trọng Lê Hoàng	62.000	4	248.000	
798	9E	Hoàng Phi Hùng	62.000	4	248.000	
799	9E	Phạm Gia Huy	62.000	4	248.000	
800	9E	Nguyễn Thị Khánh Huyền	62.000	4	248.000	
801	9E	Bùi Thu Hương	62.000	4	248.000	
802	9E	Hoàng Thị Minh Khuê	62.000	4	248.000	
803	9E	Lưu Tuệ Lâm	62.000	4	248.000	
804	9E	Đặng Kim Liên	62.000	4	248.000	
805	9E	Đào Vũ Tuệ Linh	62.000	4	248.000	
806	9E	Hoàng Nhật Long		4		

			62.000		248.000	
807	9E	Hoàng Thị Khánh Ly	62.000	4	248.000	
808	9E	Nguyễn Hoàng Trúc Mai	62.000	4	248.000	
809	9E	Nguyễn Quỳnh Mai	62.000	4	248.000	
810	9E	Nguyễn Quang Minh	62.000	4	248.000	
811	9E	Nguyễn Như Ngọc	62.000	4	248.000	
812	9E	Nguyễn Thu Ngọc	62.000	4	248.000	
813	9E	Hoàng Phương Nguyên	62.000	4	248.000	
814	9E	Nguyễn Minh Phương	62.000	4	248.000	
815	9E	Trần Thị Minh Phương	62.000	4	248.000	
816	9E	Hoàng Kim Phượng	62.000	4	248.000	
817	9E	Lê Minh Quang	62.000	4	248.000	
818	9E	Hoàng Thị Quỳnh	62.000	4	248.000	
819	9E	Nguyễn Như Quỳnh	62.000	4	248.000	
820	9E	Trần Như Quỳnh	62.000	4	248.000	
821	9E	Đỗ Trường Sơn	62.000	4	248.000	
822	9E	Hoàng Thanh Tâm	62.000	4	248.000	
823	9E	Đỗ Quang Thắng	62.000	4	248.000	
824	9E	Hoàng Anh Thư	62.000	4	248.000	
825	9E	Hoàng Thị Thùy Trang	62.000	4	248.000	
826	9E	Phùng Thị Thùy Trâm	62.000	4	248.000	
827	9E	Hoàng Anh Tuấn	62.000	4	248.000	
828	9E	Đỗ Tri Viễn	62.000	4	248.000	
829	9E	Nguyễn Thị Xuân	62.000	4	248.000	
830	9E	Hoàng Kim Xuyên	62.000	4	248.000	

Tổng cộng			205.840.000	
<i>Danh sách gồm 830 học sinh</i>				